TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày: 23 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Bản

Bà Đặng Thị Thu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐST - HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Văn Đ, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1983 tại Quảng Bình; tên gọi khác: Không; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn D, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn R (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1948, hiện trú tại: Thôn D, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; anh chị em ruột: Có 05 người, Đ là con thứ ba trong gia đình; vợ: Lê Thị V1, sinh năm 1984, nghề nghiệp: Làm ruộng, trú tại: Thôn D, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và T hoãn xuất cảnh từ ngày 04/12/2023 đến nay tại thôn D, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Phạm Minh V2, sinh năm: 1936 (Đã chết); địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

- *Người được các đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Minh V2 ủy quyền*: Anh Phạm Minh T1, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ A, thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Anh T1 có mặt.

- *Bị đơn dân sự:* Công ty CP X; địa chỉ: Số B đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn D – Giám đốc công ty; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1975 – Phó giám đốc công ty. Ông L có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn Đ có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 73C – 051.67 lưu thông trên đường H theo hướng từ huyện Q đi huyện B (N - B). Khi đến K + 800 đường H thuộc địa phận thôn T, xã T, Đ điều khiển xe ô tô đi lấn vào làn đường ngược chiều được phân chia bằng vạch kẻ vàng ngắt quãng dẫn đến va chạm với ông Phạm Minh V2 điều khiển xe đạp lưu thông theo hướng ngược lại đang chuyển hướng trái qua đường dẫn đến tai nạn. Hậu quả: ông V2 bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện H - Cuba Đ, đến khoảng 14 giờ cùng ngày tử vong tại nhà riêng ở thôn T, xã T, xe đạp bị hư hỏng nhẹ.

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn tại đoạn Km986+800 đường H thuộc địa phận thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, ở vị trí ngã 3 giao với đường V. Đường H có hướng Bắc – N (phía Bắc hướng đi huyện B, phía Nam hướng đi huyện Q), mặt đường bê tông trải nhựa, khô ráo, tương đối bằng phẳng, rộng 7,0 mét; ở giữa có vạch kẻ đường màu vàng dạng ngắt quãng phân chia thành hai chiều đường có bề rộng mỗi chiều 3,5 mét.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng Nam – B, phát hiện (các kích thước trong biên bản được đo theo phương pháp đo vuông góc):

Số (1) Vị trí xe ô tô BKS: 73C-051.67: Xe ô tô dừng lại ở trên cả hai chiều đường của đường H, đầu xe quay về hướng Đ, đuôi xe quay về hướng T. Hình chiếu tâm đầu trục bánh lốp ngoài phía sau cùng bên phải cách mép đường chuẩn về phía Tây là 1,35 mét và cách điểm mốc về phía Nam là 6,57 mét. Hình chiếu tâm đầu trục bánh lốp trước bên phải cách mép đường chuẩn về phía Tây là 1,15 mét. Hình chiếu tâm đầu trục bánh lốp ngoài sau cùng bên trái cách mép đường chuẩn về phía Tây là 4,0 mét.

Số (2) Đám vết cày trượt: Gồm các vết cày trượt ở mặt đường H, dạng đường cong, ngắt quãng, chiều hướng T - Đ, trên diện (3,0 x 0,4) mét, các vết cày trượt có

chiều rộng nhất là 0,003 mét. Điểm đầu đám vết cày trượt cách mép đường chuẩn về phía Tây là 1,56 mét và cách hình chiếu tâm đầu trục bánh lốp trước bên phải của xe ô tô BKS: 73C-051.67 (vị trí số 1) về phía Bắc là 0,63 mét. Điểm kết thúc đám vết cày trượt cách mép đường chuẩn về phía Tây là 0,44 mét.

Số (3) Xe đạp nam: Nằm ngã nghiêng sang trái trên mặt đường và lề đường, đầu xe quay về phía Đ, đuôi xe quay về phía T. Hình chiếu tâm đầu trục bánh lốp trước cách mép đường chuẩn về phía Đông là 0,1 mét và cách điểm đầu đám vết cày trượt (vị trí số 2) về phía Bắc là 2,26 mét. Hình chiếu tâm đầu trục bánh lốp sau cách mép đường chuẩn về phía Tây là 0,64 mét.

Số (4) Đám chất lỏng màu nâu, đỏ dính đất, cát: Nằm ở lề đường phía Đ đường H, không rõ hình dạng, kích thước (0,5 x 0,3) mét. T3 cách mép đường chuẩn về phía Đông là 0,55 mét và cách hình chiếu tâm đầu trục bánh lốp trước của xe đạp nam (vị trí số 3) về phía Bắc là 1,8 mét.

Kết quả đo nồng độ cồn trong hơi thở của Lê Văn Đ vào lúc 08 giờ 47 phút ngày 02/10/2023 là 0,000 mg/L.

Kết quả đo nồng độ ma túy trong nước tiểu của Lê Văn Đ vào lúc 09 giờ 13 phút ngày 02/10/2023 là âm tính.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 959/KL-PY ngày 17/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q giám định nguyên nhân chết của Phạm Minh V2: Đa chấn thương.

Tại Kết luận giám định số 1003/KL-KTHS ngày 30/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: "Không xác định được dấu vết va chạm giữa xe ô tô tải BKS 73C - 051.67 và xe đạp do đặc điểm các dấu vết ghi nhận được trên hai phương tiện này không đủ để kết luận giám định.

Tại Công văn số 3430/SGTVT-QLVT ngày 16/10/2023 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Q về việc cung cấp dữ liệu tốc độ của xe ô tô tải mang BKS: 73C-051.67 ngày 02/10/2023 như sau: Từ lúc 06 giờ 50 phút đến 07 giờ 01 phút 40 giây ngày 02/10/2023: tốc độ thấp nhất là 15km/h, tốc độ cao nhất là 56km/h; Tốc độ trở về 0km/h lúc 07 giờ 02 phút 06 giây ngày 02/10/2023.

Tại Công văn số 450/VPQLĐBII.4-HCM(NĐ) ngày 23/10/2023 của Văn phòng Q1.4 về việc xác định tốc độ giới hạn tội đa tại đoạn đường nơi xảy ra tai nạn: Đoạn Km986 + 800 trên đường H, thuộc địa phận thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình không nằm trong phạm vi cắm biển khu vực đông dân cư và biển hạn chế tốc độ. Do đó, việc xác định tốc độ tối đa cho phép xe cơ giới tham gia giao thông đường bộ trong trường hợp này được xác định theo Điều 7 thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ G: xe ô tô tải có tải trọng trên 3,5 tấn (trừ ô tô xi téc) có tốc độ tối đa qua đoạn Km986+800 là 70km/h.

Tại Kết luận giám định số 996/KL-KTHS ngày 20/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong file video cần giám định; Tại kết luận giám định số 1001/KL-KTHS

ngày 23/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong file video cần giám định.

Tại Biên bản trả lời trưng cầu giám định số 07/2023-7301S ngày 19/10/2023 của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Q kết luận: "Ô tô tải (tự đổ) biển số 73C-051.67 sau tai nạn được giám định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định hiện hành".

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã thu giữ và trả lại cho Công ty cổ phần X: 01 xe ô tô nhãn hiệu HOHAN, màu sơn xanh, mang biển kiểm soát: 73C-051.67, đã qua sử dụng cùng 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, 01 giấy chứng nhận thế chấp ngày 16/01/2023 tại Ngân hàng TMCP Đ1 chi nhánh Q2, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự; Thu giữ và trả lại cho ông Phạm Minh T1 là con trai của nạn nhân Phạm Minh V2 01 xe đạp nam, đã qua sử dụng.

Tạm giữ và chuyển theo hồ sơ vụ án 01 giấy phép lái xe hạng C số: 440070000393 mang tên Lê Văn Đ, do Sở Giao thông vận tải tỉnh Q cấp ngày 18/04/2023 có giá trị đến ngày 18/04/2028.

Trách nhiệm dân sự: Lê Văn Đ đã bồi thường cho gia đình ông Phạm Minh V2 45.000.000 đồng, gia đình ông V2 không yêu cầu thêm về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKSĐH-TA ngày 15 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố bị cáo Lê Văn Đ ra trước Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới để xét xử về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới đã phát biểu lời luận tội, chứng minh và phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX, xét xử bị cáo Lê Văn Đ theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng; cần áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ cho bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Lê Văn Đ đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình nạn nhân có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo; bị cáo có bố được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, được truy tặng Kỷ niệm chương chiến sỹ cách mạng bị địch bắt, tù đày, có mẹ là thương binh hạng ¾; có anh trai là liệt sỹ, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Lê Văn Đ từ 18 (Mười tám) đến 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 (Ba mươi sáu) đến 48 (Bốn mươi tám) tháng.

Phần trách nhiệm dân sự: Công ty cổ phần X và Lê Văn Đ đã bồi thường cho gia đình ông Phạm Minh V2 45.000.000 đồng, gia đình ông V2 không yêu cầu

thêm về trách nhiệm dân sự.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại 01 giấy phép lái xe hạng C số: 440070000393 mang tên Lê Văn Đ, sinh ngày: 10/12/1983, nơi cư trú: Xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình, do Sở giao thông vận tải tỉnh Q cấp ngày 18/4/2023, có giá trị đến ngày 18/4/2028 cho bị cáo sau khi án có hiệu lực.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố bị cáo về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ là đúng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương để có điều kiện giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1.] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân thành phố Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng và sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người làm chứng vắng mặt, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, sự vắng mặt của những người làm chứng không gây ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn do Công an thành phố Đ lập lúc 10 giờ 00 phút ngày 02 tháng 10 năm 2023; các kết luận giám định cũng như phù hợp với lời trình bày của người làm chứng, phù hợp vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 02/10/2023, Lê Văn Đ điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 73C – 051.67 lưu thông trên đường H theo hướng từ huyện Q đi huyện B (N - B). Khi đến K + 800 đường H thuộc địa phận thôn T, xã T, Đ không đi về bên theo chiều đi của mình mà điều khiển phương tiện lấn vào làn đường ngược chiều được phân chia bằng vạch kẻ vàng ngắt quãng, khi đến nơi giao nhau cùng mức không giảm tốc độ, nên đã đâm va gây tai nạn với xe đạp do ông Phạm Minh V2 điều khiển lưu thông theo hướng

ngược lại đang rẽ trái qua đường, làm ông V2 tử vong. Vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 13, Điều 24 Luật giao thông đường bộ

Hành vi mà bị cáo Lê Văn Đ thực hiện như trên dẫn đến hậu quả làm 01 người chết đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất nguy hiểm, mức độ hậu quả của hành vi và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Bị cáo Đ có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có hiểu biết pháp luật nói chung và Luật giao thông đường bộ nói riêng, đã được học luật và được Sở G cấp giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật. Đáng lẽ ra bị cáo phải nghiêm chỉnh chấp hành quy định của Luật giao thông đường bộ, không đi bên phải theo chiều đi của mình, nên đã đâm và dẫn đến tai nạn, hậu quả làm một người chết. Do đó cần xét xử bị cáo một mức án nghiêm tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Lê Văn Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại, gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo; có bố là ông Lê Văn R được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhì, được truy tặng Kỷ niệm chương chiến sỹ cách mạng bị địch bắt, tù đày, mẹ là bà Nguyễn Thị V là thương binh hạng ¾; có anh trai Lê Văn R1 là liệt sỹ; nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản thân bị cáo Lê Văn Đ có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Có đủ điều kiện được rèn luyện, cải tạo tại địa phương. Nên chưa cần thiết buộc phải chấp hành hình phạt tù cách ly ra khỏi xã hội, mà áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đảm bảo việc giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện khai báo theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Công ty cổ phần X và bị cáo Lê Văn Đ đã bồi thường cho gia đình ông Phạm Minh V2 45.000.000 đồng, gia đình ông V2 không yêu cầu thêm về trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét.

[8] Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đ đã thu giữ và trả lại cho Công ty Cổ phần X do ông Nguyễn Thanh L – Phó Giám đốc

đại diện theo ủy quyền tại Biên bản về việc trả lại đồ vật tài liệu ngày 22/12/2023 gồm:

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu HOHAN, màu sơn xanh, mang biển kiểm soát: 73C-051.67; tình trạng: đã qua sử dụng;

- 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỷ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: 2522574, do Trung tâm Đ, cấp ngày 14/12/2022 có hiệu lực đến hết ngày 13/12/2023 đối với xe ô tô tải biển kiểm soát: 73C-051.67.

- 01 (một) giấy chứng nhận thế chấp đề ngày 16/01/2023 tại Ngân hàng TMCP Đ1, chi nhánh Q2 đối với tài sản thế chấp là xe ô tô tải biển kiểm soát: 73C-051.67.

- 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm xe ô tô số: 5555226 đối với xe ô tô tải biển kiểm soát: 73C-051.67 do Công ty X cấp ngày 12/01/2023, thời hạn đến ngày 15/01/2024.

- 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 73 001934 của xe ô tô tải biển kiểm soát: 73C-051.67, tên chủ xe: Công ty Cổ phần X, được Phòng CSGT Công an tỉnh cấp ngày 12/03/2021 có giá trị đến hết ngày 31/12/2040.

Thu giữ và trả lại cho anh Phạm Minh T1 là con đẻ của ông Phạm Minh V2 01 (một) xe đạp nam, xe đã cũ, đã qua sử dụng tại Biên bản về việc trả lại đồ vật tài liệu ngày 22/12/2023.

Công ty Cổ phần X do ông Nguyễn Thanh L – Phó Giám đốc đại diện theo ủy quyền và anh Phạm Minh T1 đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại 01 giấy phép lái xe hạng C số: 440070000393 mang tên Lê Văn Đ, sinh ngày: 10/12/1983, nơi cư trú: Xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình, do Sở giao thông vận tải tỉnh Q cấp ngày 18/4/2023, có giá trị đến ngày 18/4/2028 cho bị cáo sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[9] Án phí Hình sự sơ thẩm, án phí Dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Bị cáo Lê Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Đồng phạm t "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

2.2. Về hình phạt: Xử bị cáo Lê Văn Đ 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/4/2024.

Giao bị cáo Lê Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế y đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú.

Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại 01 giấy phép lái xe hạng C số: 440070000393 mang tên Lê Văn Đ, sinh ngày: 10/12/1983, nơi cư trú: Xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình, do Sở giao thông vận tải tỉnh Q cấp ngày 18/4/2023, có giá trị đến ngày 18/4/2028 cho bị cáo sau khi án có hiệu lực pháp luật. (Vật chứng nêu trên hiện có tại hồ sơ

vụ án).

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Buộc bị cáo Lê Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo; bị đơn dân sự; người được các đại diện hợp pháp của bị hại ủy quyền có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/4/2024).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh.
- VKSND tỉnh.
- VKSND thành phố Đồng Hới.
- Công an thành phố Đồng Hới.
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới.
- THA phạt tù.
- Sở tư pháp tỉnh Quang Bình.
- Người tham gia tố tụng.
- Lư hồ sơ.
- Lưu án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh